

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Ngôn ngữ học; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học liên ngành

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 01/01/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Ô 13, TT 28, Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Văn hóa – Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội, số 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0982783899; E-mail: ntbichhanh78@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm: 2001 đến năm 2002: Giáo viên, Trường THPT Bán công Tp. Lào Cai

Từ năm 2002 đến năm 2009: Giáo viên, Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Lào Cai (nay là Trường Cao đẳng Cộng đồng Lào Cai)

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai

Từ năm 2010 đến năm 2011: Nghiên cứu viên, Viện Ngôn ngữ học - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Từ năm 2011 đến 2020: Giảng viên, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ năm 2020 đến nay: Giảng viên chính, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: số 477 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84.24) 35527738

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – ĐHQG Hà Nội; Trường Đại học Mở Hà Nội; Trường Đại học Phenikaa; Trường Đại học Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Mở Hà Nội; Trường Đại học Phenikaa; Trường Đại học Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 17 tháng 6 năm 1999; số văn bằng: 140743; ngành: Ngữ văn; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Việt Nam.

- Được cấp bằng Đại học ngày 03 tháng 10 năm 2023; số văn bằng: BA011531; ngành: Ngôn ngữ Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 03 năm 2009; số văn bằng: 5286; ngành: Ngữ văn; chuyên ngành: Ngôn ngữ học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 10 tháng 02 năm 2015; số văn bằng: 003927; ngành: Ngôn ngữ học; Nơi cấp bằng TS: Học viện Khoa học xã hội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: *Ngôn ngữ học tri nhận và ẩn dụ ý niệm, Ngôn ngữ học văn hoá.*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Đề tài NCKH cấp Bộ (chủ nhiệm): 01

+ Đề tài NCKH cấp Cơ sở (chủ nhiệm): 03

- Đã công bố **40** bài báo khoa học, trong đó **05** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **01**, trong đó **01** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học năm 2020 (Quyết định số 579/QĐ-KHXH ngày 17 tháng 5 năm 2021)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đáp ứng tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 06 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			02		56	112,5	168,5/348,5/189
2	2019-2020			01		0	180	180/290/216
3	2020-2021			01		0	270	270/380/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022			01		0	157,5	157,5/267,5/216
5	2022-2023	01	01	01		0	135	135/245/216
6	2023-2024			0		150	247,5	397,5/397,5/216
<p>Năm học 2018-2019: Phó Trưởng khoa: giảm trừ 20% định mức giờ chuẩn/năm Nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi: giảm 10% định mức giờ chuẩn/năm (Con: Lê Đức Nhật, ngày tháng năm sinh: 14/08/2016, Giấy khai sinh số 172, UBND phường Phú la, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội cấp ngày 19/09/2016) Tổng số giảm trừ định mức năm 2018-2019: 30% giờ chuẩn Số giờ chuẩn 1 năm là: 270 giờ Số giờ chuẩn định mức của năm học 2018-2019: 270 x 70% = 189 giờ</p>								
<p>Hướng dẫn NCS (2018-2023): hướng dẫn thành công 02 NCS (01 HD chính, 01 HD phụ), thời gian hoàn thành luận án đúng hạn trong 05 năm (từ T10/2018 đến T7/2023)</p>								

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp Đại học ngoại ngữ: Trường Đại học Hà Nội; số bằng: BA011531; năm cấp: 2023

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Viên Lan Hương	NCS		Chính		2018-2023	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 2636/QĐ-HVKHXH ngày 16/11/2023
2	Đoàn Hồng Nhung	NCS			Phụ	2018-2023	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 2604/QĐ-HVKHXH ngày 03/11/2023
3	Trần Thanh Hà		HVCH	Chính		2018	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 3135/QĐ-HVKHXH ngày 18/6/2018
4	Trịnh Thị Phương Mai		HVCH	Chính		2018	Học viện Khoa học xã	QĐ cấp bằng số 3135/QĐ-HVKHXH

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

							hội	ngày 18/6/2018
5	Hoàng Thị Liên Hương		HVCH	Chính		2019	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 5520/QĐ-HVKHXH ngày 11/11/2019
6	Khương Thị Lan Phương		HVCH	Chính		2020	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 2082/QĐ-HVKHXH ngày 09/7/2020
7	Hoàng Thị Hưng		HVCH	Chính		2021	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 1208/QĐ-HVKHXH ngày 20/4/2022
8	Bùi Thị Hậu		HVCH	Chính		2022	Học viện Khoa học xã hội	QĐ cấp bằng số 159/QĐ-HVKHXH ngày 06/02/2023
...								

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Biểu tượng ngôn ngữ trong ca từ Trịnh Công Sơn	Sách chuyên khảo	Nxb Khoa học xã hội, 2009 (Tái bản lần 1: Nxb Từ điển bách khoa, 2011; Tái bản lần 2: Nxb Dân trí, 2020) ISBN: 978-604-304-787-5	1	Tác giả		Số 127/GXN-HVKHXH ngày 30/5/2024
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
...							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận TS					
1	Ân dụ cấu trúc (dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận) trong ca từ Trịnh Công Sơn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở: Học viện Khoa học xã hội	Từ tháng 3/2012 đến tháng 6/2012	26-11-2012/ Khá
2	Ân dụ định hướng trong ca từ Trịnh Công Sơn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở: Học viện Khoa học xã hội	Từ tháng 7/2013 đến tháng 12/2013	06-12-2013/Tốt
3	Tình hình nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận trong những năm gần đây và hướng đi mới của Việt ngữ học	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở: Học viện Khoa học xã hội	Từ tháng 4/2014 đến tháng 12/2014	26-11-2014/Đạt
II Sau khi được công nhận TS					
4	Ân dụ ý niệm (trên tư liệu thành ngữ và báo mạng tiếng Việt)	Chủ nhiệm	Cấp Bộ: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	Từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020	23-01-2021/Xuất sắc
...					

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
a Bài báo khoa học trong nước								
1	Biểu tượng “năng” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ & đời sống/ ISSN: 0868-3409			Số 9, tr.32-37	2009

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Biểu tượng “Núi” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			Số 1 (248), tr.61-67	2010
3	Ý nghĩa biểu trưng của con số 3 trong tín ngưỡng, văn hóa tộc người Mông	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			Số 7 (254), tr.40-46	2010
4	Ấn dụ tri nhận “Con người là cây cỏ” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135			Số 6 (14), tr.118-126	2011
5	Ấn dụ ý niệm “Cuộc đời là một cuộc hành trình” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Nhân lực Khoa học xã hội/ISSN: 0866-756X			Số 1 (1), tr.51-60	2012
6	Ấn dụ ý niệm “Đời người là một ngày” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135			Số 5 (25), tr.94-102	2013
7	Những đối cực âm thanh trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X			Số 1 (8), tr.48-55	2014
8	Ấn dụ định hướng VUI LÀ HƯỚNG LÊN trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135			Số 2 (28), tr.65-73	2014
9	Ấn dụ định hướng trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận: Buồn là hướng xuống	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ & đời sống/ ISSN: 0868-3409			Số 3 (221), tr.18-23	2014
10	Phạm trù ý thức và vô thức trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới ánh sáng của thuyết nghiệm thân	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			Số 7 (302), tr.38-48	2014

b		Báo cáo khoa học trong nước						
11	Biểu tượng “Đôi môi” trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học trẻ toàn quốc, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam – UBND thành phố Cần Thơ			Tr. 498-502	2009
12	Cảm thức thời gian mùa trong ca từ Trịnh Công Sơn	1	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học trẻ toàn quốc, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam – Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng			Tr. 555-562.	2011
II		Sau khi được công nhận TS						
a		Bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus						
13	Conceptual Metaphor FOOTBALLERS ARE COMMODITIES in Vietnamese Sports News	2	Tác giả thứ nhất	Humanities, Arts and Social Sciences Studies (HASSS) ISSN (Online): 2630-0079. https://doi.org/10.14456/hasss.2020.24 https://so02.tci-thaijo.org/index.php/hasss/article/view/235511	Scopus – Q3		Volume 20, Number 3: 625-648	2020
14	Conceptual metaphor SPORT AS WAR in Vietnamese Football News	3	Tác giả thứ nhất	Cognitive Linguistic Studies/ ISSN 2213-8722/ E-ISSN: 2213-8730 DOI: https://doi.org/10.1075/cogls.20010.han . https://www.jbe-platform.com/content/journals/10.1075/cogls.20010.han?crawler=true	Scopus Q2		9 (2): 266-296	2022
15	Conceptual metaphor “Virus SARS-CoV-2 as a criminal/terrorist”	3	Tác giả thứ nhất	Humanities, Arts and Social Sciences Studies (HASSS)/ISSN (Online): 2630-	Scopus – Q3		23 (3): 504-517	2023

	in Vietnamese online Newspapers			0079. DOI: https://doi.org/10.14456/hasss.2023.43 https://so02.tci-thaijo.org/index.php/hasss/article/view/260753				
16	The Mapping Mechanism from the Source Domain “Electronic Devices” onto the Target Domain “Human Being”: An Online Vietnamese Article Context.	5	Tác giả thứ nhất; Tác giả liên hệ	Theory and Practice in Language Studies ISSN 1799-2591 DOI: https://doi.org/10.17507/tpls.1310.16 https://tpls.academypublication.com/index.php/tpls/article/view/6751	Scopus – Q2		13 (10): 2577-2588	2023
17	Superlative Degrees in Vietnamese Perceptions of Humans Through Idioms with Comparisons	4	Tác giả thứ nhất	<i>Eurasian Journal of Applied Linguistics</i> ISSN 2149-1135 Doi: http://dx.doi.org/10.32601/ejal.903025 https://ejal.info/article-view/?id=673	Scopus – Q2		9(3) (2023) 285-299	2023
b	Bài báo khoa học trong nước							
18	Hoa văn trang trí trên vải của dân tộc H'Mông dưới góc nhìn ký hiệu học	1	Tác giả chính	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X			Số 7 (38), tr.103-111	2016
19	Chính sách song ngữ của Singapore và hàm ý chính sách song ngữ cho Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	2	Tác giả chính	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X			Số 8 (51), tr.86-93	2017
20	Ân dụ ý niệm “Con người là cây” trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt.	1	Tác giả chính	Khoa học Ngoại ngữ Quân sự/ISSN: 2525-2232			Số 12, tr.20-31	2018

21	Ân dụ ý niệm “Tình yêu là một cuộc hành trình” trong ca từ Nguyễn Văn Chung	2	Đồng tác giả	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X		Số 4 (59), tr.76-82	2018
22	Ân dụ ý niệm chính trị là một cuộc hành trình	2	Tác giả thứ nhất	Khoa học xã hội Việt Nam/ISSN: 1013-4328		Số 8, tr.81-88	2018
23	Việc sử dụng thành ngữ, tục ngữ trên báo điện tử Dantri.com	2	Tác giả thứ nhất	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135		Số 4 (54), tr.120-127	2018
24	Khả năng tạo từ và đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ màu ‘đỏ’ trong tiếng Việt	2	Tác giả thứ nhất	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X		Số 7 (62), tr.51-58	2018
25	Ân dụ ý niệm trong tiêu đề và Sa-pô báo chí tiếng Việt (trên cứ liệu báo Nhân dân điện tử)	2	Tác giả thứ nhất	Ngôn ngữ & đời sống/ ISSN: 0868-3409		Số 7 (274), tr.9-15	2018
26	Ân dụ ý niệm “Con người là hàng hóa” trong các tiêu đề báo chí thể thao tiếng Việt	1	Tác giả chính	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135		Số 4 (66), tr.123-127	2020
27	Ngữ nghĩa và khả năng kết hợp từ “ăn” trong tiếng Việt	2	Tác giả thứ nhất	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135		Số 3 (65), tr.75-80	2020
28	Ân dụ ý niệm “Chính trị là trò chơi” trên một số báo mạng tiếng Việt	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ & đời sống/ ISSN: 0868-3409		Số 7 (300), tr.11-17	2020
29	Ân dụ ý niệm “Hạnh phúc là giấc mơ” trong những khúc hát ru tiếng Anh	2	Đồng tác giả	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X		Số 3, tr.81-88	2021
30	Ân dụ ý niệm	2	Tác giả thứ	Ngôn ngữ & đời		Số 8	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	“CUỘC ĐỜI LÀ THỰC PHẨM” trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt		nhất	sống/ ISSN: 0868-3409			(315), tr.11-22	
31	Conceptual Metaphor of “Nation is Human” in Vietnamese Electronic News	2	Tác giả thứ nhất	Vietnam Social Sciences/ISSN: 1013-4328			No 2 (208), tr.71-88.	2022
32	So sánh tu từ trong ca khúc của Ngô Thụy Miên và Leo Sayer	2	Đồng tác giả	Nhân lực Khoa học xã hội/ ISSN: 0866-756X			số 4 (107), tr.104-110.	2022
33	Ảnh dụ trong tiêu đề báo chí tiếng Việt – tiếng Hán trên ngữ liệu ‘Nhân dân điện tử’ và ‘Tân Hoa xã’	2	Đồng tác giả	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			số 5 (379), tr.3-11.	2022
34	Từ “白” (bạch) với tư cách là thành tố cấu tạo từ ngữ và sự phát triển ngữ nghĩa của nó trong tiếng Trung	2	Đồng tác giả	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			số 2 (388), tr.48-58.	2023
35	Đặc trưng cấu trúc và sự phát triển ngữ nghĩa của nhóm từ chỉ màu "trắng" trong tiếng Việt.	2	Tác giả thứ nhất	Từ điển học và Bách khoa thư/ISSN: 1859-3135			số 4 (84),tr.18-26	2023
36	Miền nguồn “Bão” trong các diễn ngôn ẩn dụ về dịch bệnh Covid-19 trên báo điện tử trực tuyến tiếng Việt	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ/ISSN: 0866-7519			Số 5 (403) 2024 Trang: 3-10	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

37	Ân dụ “Lửa” trong các diễn ngôn về dịch bệnh Covid-19 trên báo điện tử trực tuyến tiếng Việt	1	Tác giả chính	Ngôn ngữ và Đời sống/ ISSN: 0868-3409		Số 5 (353) 2024, tr.5-15	2024
c	Báo cáo khoa học trong nước						
38	Ân dụ ý niệm “Bộ não là máy tính” trên báo mạng tiếng Việt	3	Tác giả thứ nhất	Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2022.		Tr. 453-462	2022
39	Thủ pháp ngoại dụ trong thành ngữ so sánh chỉ cảm xúc trong tiếng Việt	1	Tác giả chính	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: Giáo sư Hoàng Tuệ - Ngôn ngữ trong đời sống xã hội, Nxb Dân trí.		Tr. 118-129	2024
d	Tạp chí khác						
40	Nên đổi tên <i>Tạp chí Văn nghệ Lào Cai</i> thành <i>Tạp chí Phanxipăng</i>	1	Tác giả chính	Tạp chí <i>Văn nghệ Lào Cai</i>		Số 102, tháng 8-2009, tr. 75-77.	2009

- **Trong đó:** Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính, đăng sau thời điểm nhận học vị Tiến sĩ: **05** bài (gồm các số thứ tự: [13], [14], [15], [16], [17]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Bích Hạnh